TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN** Bản án số: 46/2023/DS-PT Ngày 11-9-2023 V/v yêu cầu chia di sản thừa kế, trả lại đất, di dời tài sản trên đất	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 về việc Yêu cầu chia di sản thừa kế, trả lại đất, di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vy Thị C. Cư trú tại: Đường T, khối T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vi Thế L. Cư trú tại: Phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vi Thế L: Chị Triệu Thị Linh H. Cư trú tại: Phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 12-06-2023); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Hoàng Thị Y. Cư trú tại: Phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Y: Anh Vi Thế L. Cư trú tại: Phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 25-05-2023); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vi Thị O. Cư trú tại: Phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Vy Thị Tuyết N. Cư trú tại: Đường H, phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

3. Bà Vy Thị B. Cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Bà Vy Thị H. Cư trú tại: Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Vy Thị Thanh T. Cư trú tại: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Tô Thị T; có mặt.

7. Chị Vi Huyền A; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Thị T, chị Vi Huyền A: Chị Triệu Thị Linh H. Cư trú tại: Phường V, quận X, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 06-02-2023); có mặt.

8. Uỷ ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bành Văn D: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 07-03-2023); vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Anh Vi Thế L là bị đơn và bà Tô Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Vy Cát H (đã chết) là chồng cụ Trần Thị Đ (đã chết). Ông Vi Hùng T là con trai của họ.

Ông Vi Hùng T, tên gọi khác Vy Hùng T, Vy Hồng T, Vi T sinh năm 1939, chết ngày 11-12-2001 là chồng bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1939. Họ sinh được 07 người con gồm: Bà Vi Thị O, sinh năm 1963; ông Vi Thanh Đ, sinh năm 1965; bà Vy Thị C, sinh năm 1967; bà Vi Thị Tuyết N, sinh năm 1969; bà Vy Thị B, sinh năm 1971; bà Vy Thị H, sinh năm 1973; bà Vy Thị Thanh T, sinh năm 1977.

Ông Vi Thanh Đ (sinh năm 1965, chết ngày 29-4-2019) tên gọi khác Vy Thanh Đ có vợ là bà Tô Thị T. Họ có 02 người con là anh Vi Thế L, sinh năm 1988 và chị Vi Huyền A, sinh năm 1990.

Chị Lương Thị V, sinh năm 1995 là vợ anh Vi Thế L. Họ có hai người con là cháu Vi Đông P, sinh năm 2016; cháu Vi Hải Đ, sinh năm 2017.

Anh Hoàng Văn S là chồng chị Vi Huyền A. Họ có hai người con là cháu Hoàng Anh Gia H1, sinh năm 2019, cháu Hoàng Anh Gia H2, sinh năm 2019.

Tại Giấy chứng nhận lập ngày 15-8-1971, có nhận thực của Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn ngày 13-9-1971 thể hiện: Ông Mông Văn U giao quyền sử dụng miếng đất vườn sát bên dưới đường quốc lộ, chạy thẳng xuống bờ suối cho ông Vi Hùng T để làm nhà ở và quản lý, sử dụng với giá 100đồng (không ghi diện tích cụ thể).

Tại Giấy nhượng lại một lô đất ở giữa hai nhà lập ngày 20-8-1991 thể hiện: Ông Vi T nhượng lại cho ông Lành Bá T một phần đất để ông Lành Bá T cơi nới thêm một gian nhà. Ông Lành Bá T đã bồi dưỡng tiền hoa màu và công khai khẩn (không ghi diện tích cụ thể).

Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16-3-2000, có chứng nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Ông Vy Hồng T chuyển nhượng 200,0m^2 đất tại phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho ông Hoàng Tuấn N với giá 5.000.000đồng. Ngày 26-3-2000 bên được chuyển nhượng đã trả đủ số tiền bồi thường hoa màu cho bên chuyển nhượng.

Ngày 25-7-2002, Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND huyện) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00493 QSDĐ/452/QĐ-UB đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ địa chính số 50 thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ 1:500 đo vẽ năm 2000 (viết tắt là thửa đất số 29), có diện tích 349,4m^2 tại phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Vy Thanh Đ, trong đó có 100,0m^2 đất ở và 249,4m^2 đất vườn.

Ngày 25-7-2002, UBND huyện cấp GCNQSDĐ số seri852971 đối với thửa đất số 29a, tờ bản đồ địa chính số 50 thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1:500 đo vẽ năm 2000 (viết tắt là thửa đất số 29a) có diện tích 108,0m^2 tại phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho bà La Thị H.

Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn ngày 21-10-2010 giữa bà La Thị H và ông Triệu Văn T thể hiện: Bà La Thị H chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 29a cho ông Triệu Văn T với giá 170.000.000đồng.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định đất tranh chấp có địa chỉ tại: Phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và thuộc 03 thửa đất, cụ thể: Diện tích 346,6m² thuộc một phần thửa đất số 29; diện tích 49,7m² thuộc một phần thửa đất số 63, tờ bản đồ địa chính số 50 thị trấn V,

huyện V, tỉnh Lạng Sơn; diện tích 9,9m² thuộc một phần thửa đất số 64, tờ bản đồ địa chính số 50 thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Giá đất theo thị trường là 7.000.000đồng/1m². Tài sản trên đất gồm: 01 nhà ở loại 2 mái bằng, xây dựng tháng 3-2000, diện tích 70,2m², hiện nay do anh Vi Thế L, bà Tô Thị T đang quản lý, sử dụng; 01 nhà ở cấp 4 do bà Hoàng Thị Y đang sử dụng xây dựng năm 2000 có diện tích 27,93m²; công trình phụ có diện tích 6,36m²; 01 nhà hai gian do chị Vi Huyền A đang sử dụng, được xây dựng năm 2015 có tổng diện tích 31,52m²; công trình phụ phía sau nhà gồm có: 01 chuồng lợn cũ diện tích 5,6m²; nhà vệ sinh và chuồng gà diện tích 2,96m² đều xây dựng năm 2000. Cây trồng trên đất gồm: 04 cây sưa, 03 cây mít, 06 cây mác mật, 02 cây nhãn, 01 cây bưởi, 01 cây ổi, 01 cây xoài, 01 cây cóc.

Tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Vy Thị C trình bày: Bà khởi kiện anh Vi Thế L về việc chia di sản thừa kế ông Vi Hùng T để lại đối với thửa đất số 29. Bố mẹ bà là ông Vi Hùng T và bà Hoàng Thị Y có tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 29. Nguồn gốc thửa đất trên là do ông Vi Hùng T mua của ông Mông Văn U năm 1971. Khi còn sống bố mẹ bà đã hai lần chuyển nhượng một phần đất này cho ông Lành Bá T vào năm 1991 và ông Hoàng Tuấn N vào năm 2000. Bố bà cũng chia cho ông Vi Thanh Đ một phần đất để làm nhà ở, sát liền với phần đất bà đang khởi kiện. Khi còn sống ông Vi Hùng T chưa phân chia thửa đất số 29 có diện tích 349,4m^2 cho các con. Ngày 11-12-2001 ông Vi Hùng T chết không để lại di chúc, không có nợ ai; về mai táng phí của ông Vi Hùng T, nguyên đơn không yêu cầu xem xét. Sau đó, ông Vi Thanh Đ, bà Tô Thị T, anh Vi Thế L, chị Vi Huyền A quản lý một phần diện tích đất này, phần còn lại bà Hoàng Thị Y quản lý, sử dụng. Năm 2014 thì bà Tô Thị T tự ý xây dựng căn nhà cấp 4 sang một phần đất phía sau mà bà Hoàng Thị Y đang quản lý, sử dụng cho con gái là Vi Huyền A (đã lấy chồng) đến ở. Việc ông Vi Thanh Đ tự ý đi kê khai xin cấp GCNQSDĐ thửa đất số 29 chưa được sự nhất trí của các con ông Vi Hùng T, là xâm phạm quyền lợi của họ. Sau khi có kết quả đo đạc và tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích 49,7m² thuộc một phần thửa đất số 63; diện tích 9,9m² thuộc một phần thửa đất số 64, tờ bản đồ địa chính số 50 thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Vi Hùng T để lại trong khối tài sản có diện tích 346,6m² thuộc thửa đất số 29 cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Vi Hùng T; nguyên đơn không yêu cầu phân chia giá trị tài sản trên đất; nguyên đơn yêu cầu di dời tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 (do bà Tô Thị T xây dựng năm 2015) phía sau ngôi nhà bà Hoàng Thị Y đang ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Hoàng Thị Y lúc đầu nhất trí với ý kiến của nguyên đơn đã đưa ra. Ngày 18-11-2022, bà có đơn yêu cầu anh Vi Thế L, bà Tô Thị T phải trả lại cho bà ½ diện tích đất tại thửa đất số 29 để bà tự đứng tên, tự định đoạt khi tuổi già; bà yêu cầu chị Vi Huyền A phải di dời căn nhà cấp 4 đã xây dựng trên phần đất phía sau căn nhà bà đang ở, còn phần đất anh Vi Thế L và bà Tô Thị T đang sử dụng bà nhất trí

để họ tiếp tục sử dụng. Ngày 04-4-2023, bà Hoàng Thị Y có đơn xin rút yêu cầu đó và cho rằng: Năm 2001 ông Vi Hùng T là người đi kê khai xin cấp GCNQSDĐ và ý nguyện của ông là để lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho ông Vi Thanh Đ thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên, do ông Vi Hùng T chết đột tử nên sau này ông Vi Thanh Đ phải ký tên vào đơn kê khai và bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Vi Hùng T chết không để lại di chúc, không có nợ ai; về mai táng phí của ông Vi Hùng T, bà không yêu cầu xem xét. Nếu yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận thì phần di sản thừa kế bà được hưởng của ông Vi Hùng T bà tự nguyện để lại cho anh Vi Thế L quản lý và sử dụng.

Bị đơn anh Vi Thế L trình bày: Đất tranh chấp có nguồn gốc đúng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, khi ông Vi Hùng T khi còn sống đã chia thửa đất này cho ông Vi Thanh Đ và ông Vi Hùng T cũng là người tự đi kê khai cấp GCNQSDĐ. Hộ ông Vy Thanh Đ đã được cấp GCNQSDĐ vào ngày 25-7-2002 đúng quy định. Nên bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không nhất trí trả lại ½ diện tích đất tranh chấp cho bà Hoàng Thị Y. Ông Vi Hùng T chết không để lại di chúc, không có nợ ai; về mai táng phí của ông Vi Hùng T, anh không yêu cầu xem xét. Trong quá trình tố tụng, với tư cách là người được bà Hoàng Thị Y ủy quyền thì bị đơn đề nghị được rút toàn bộ yêu cầu của bà Hoàng Thị Y đã đưa ra trước đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T trình bày: Bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà không nhất trí trả lại ½ diện tích đất tranh chấp cho bà Hoàng Thị Y và không nhất trí di dời căn nhà do bà xây dựng năm 2014-2015 (hiện chị Vi Huyền A đang ở) trên đất tranh chấp. Ông Vi Hùng T chết không để lại di chúc, không có nợ ai; về mai táng phí của ông Vi Hùng T, bà không yêu cầu xem xét.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Vi Thị O, bà Vi Thị Tuyết N, bà Vy Thị B, bà Vy Thị H, bà Vy Thị Thanh T đều xác nhận nguồn gốc đất như nguyên đơn, bị đơn trình bày là đúng. Họ thừa nhận khi còn sống ông Vi Hùng T chưa chia diện tích đất đang có tranh chấp cho các con. Ông Vi Hùng T chết không để lại di chúc, không có nợ ai và chi phí mai táng phí của ông Vi Hùng T, họ không yêu cầu xem xét. Sau đó, ông Vi Thanh Đ tự đi kê khai xin cấp GCNQSDĐ đất tranh chấp, họ không được biết, không được ký vào bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Vi Thị O, bà Vi Thị Tuyết N tự nguyện tặng cho phần thừa kế của mình được hưởng cho nguyên đơn; còn bà Vy Thị B, Vy Thị H, bà Vy Thị Thanh T tự nguyện tặng cho phần thừa kế của mình được hưởng cho bị đơn.

Người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn ban đầu khẳng định, trình tự, thủ tục, đối tượng cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vy Thanh Đ, chưa đảm bảo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29-3-1999 của Chính Phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị

quyền sử dụng đất. Vì nguồn gốc đất do ông Vi Hùng T mua của ông Mông Văn U năm 1971, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đến năm 2002, ông Vi Thanh Đ kê khai và ngày 25-7-2002 đã được cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Vy Thanh Đ. Tuy nhiên, tại thời kê khai xin cấp giấy thì ông Vi Hùng T đã chết nhưng ông Vi Thanh Đ chỉ cung cấp được giấy tờ mua bán giữa ông Vi Hùng T và ông Mông Văn U, mà không có giấy tờ thừa kế nhà đất, tặng, cho nhà đất được UBND xã/phường/thị trấn xác nhận. Sau đó, UBND huyện có Văn bản số: 1183/UBND-TNMT thay đổi ý kiến, cụ thể: Qua xem xét lại quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục Địa chính về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ, cho thấy việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vy Thanh Đ được đảm bảo đúng theo quy định.

Người làm chứng ông Vy Văn T, ông Vy Văn V, bà Hoàng Thị T (là họ hàng của các đương sự); ông Hoàng Văn N (tổ trưởng tổ dân phố) là những người có mặt tại cuộc họp gia đình nhà bà Hoàng Thị Y ngày 02-9-2022 đều xác nhận: Tại cuộc họp bà Hoàng Thị Y thể hiện nguyện vọng không yêu cầu tách thửa đất số 29 mà đồng ý để lại cho anh Vi Thế L quản lý, sử dụng.

Người làm chứng ông Hà Văn D cho rằng nội dung trả lời của UBND huyện áp dụng sai văn bản, thời điểm đó việc cấp GCNQSDĐ lần đầu phải căn cứ vào Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính chứ không phải áp dụng theo Nghị định số 17/1999/QĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ.

Người làm chứng ông Hoàng Đình L, ông Hoàng Văn H cho biết: Khoảng năm 2002 ông Vi Thanh Đ có đi kê khai xin cấp GCNQSDĐ. Do hồ sơ đủ điều kiện, đất sử dụng ổn định không có tranh chấp nên đã được GCNQSDĐ, nhưng đất kê khai khi đó thuộc số thửa đất nào các ông không nắm được.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 15-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Vi Hùng T khi chết để lại là diện tích đất 173,3m² thuộc một phần thửa đất số 29 đã được cấp GCNQSDĐ ngày 25-7-2002 cho hộ ông Vy Thanh Đ. Cụ thể: Nguyên đơn được hưởng 03 kỷ phần thừa kế tương đương diện tích 57,76m² x 7.000.000đ/1m² = 404.369.000đồng. Anh Vi Thế L được hưởng 06 kỷ phần, tương đương diện tích là 115,53m² có tổng giá trị là 808.731.000đồng. Giao cho anh Vi Thế L được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 173,3m², thuộc một phần thửa đất số 29 và có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 404.369.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu di dời tài sản trên thửa đất số 29 là căn nhà cấp 4 của chị Vi Huyền A.

3. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu của nguyên đơn đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc một phần các thửa đất số 63, 64, tờ bản đồ địa chính

số 50 thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị Y về việc yêu cầu trả lại đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất. Bà Vy Thị C và bà Hoàng Thị Y có quyền khởi kiện lại các yêu cầu này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kê khai, đăng ký biến động và đăng ký quyền sử dụng đất, buộc chấm dứt hành vi tranh chấp, chi phí tố tụng, án phí và lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, Bản án bị kháng cáo, kháng nghị như sau:

Anh Vi Thế L, bà Tô Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 14-7-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có Quyết định kháng nghị số: 48/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 15-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 15-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn do vi phạm về tố tụng, vi phạm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ, xác định sai yêu cầu độc lập, xác định sai nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, xác định giá trị đất tranh chấp chưa đảm bảo, xác định không rõ diện tích đất là di sản thừa kế sẽ khó khăn cho việc thi hành án và việc đương sự thực hiện kê khai quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện của anh Vi Thế L, bà Tô Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo vì cấp sơ thẩm xác định sai tư cách bị đơn; chưa thu thập đầy đủ chứng; đánh giá chứng cứ không chính xác; xác định đất cùng có trị giá 7.000.000đồng/m^2 là không phù hợp với thực tế tại địa phương .... Người đại diện của người kháng cáo nhất trí với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện của chị Vi Huyền A nhất trí với nội dung kháng cáo, nhất trí với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện của bà Hoàng Thị Y nhất trí với nội dung kháng cáo, nhất trí với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Nguyên đơn không nhất trí với nội dung kháng cáo, đối với kháng nghị của Viện kiểm sát thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; có đương sự vắng mặt nhưng đã có ủy quyền và người ủy quyền có mặt hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn là anh Vi Thế L là đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm xác định thửa đất 29 là tài sản chung của vợ chồng ông Vi Hùng T, bà Hoàng Thị Y tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ pháp lý. Ông Vi Hùng T chết không để lại di chúc. Nguyên đơn là hàng thừa kế thứ nhất của ông Vi Hùng T nên có quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Phải xác định được di sản thừa kế trong khối tài sản chung của vợ chồng ông Vi Hùng T và bà Hoàng Thị Y, sau đó mới chia di sản thừa kế của ông Vi Hùng T. Các đương sự đều thừa nhận trên diện tích đất tranh chấp có công trình kiên cố của vợ chồng ông Vi Hùng T xây dựng. Ngày 11-12-2001, ông Vi Hùng T chết, không để lại di chúc và đất tranh chấp cũng chưa chia thừa kế cho ai. Năm 2002 ông Vi Thanh Đ đi kê khai và được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vy Thanh Đ. Như vậy, việc cấp GCNQSDĐ đó không đảm bảo về trình tự, thủ tục và không đúng đối tượng. Theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có căn cứ hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Vy Thanh Đ.

3. Đối với Quyết định kháng nghị số: 48/QĐKNPT-VKS-DS ngày 14-7-2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, thấy rằng: Tại phiên tòa đã làm rõ: Gia đình ông Vi Thanh Đ không có công tạo lập và tôn tạo tài sản đối với phần diện tích đất xác định là di sản thừa kế của ông Vi Hùng T; việc định giá tài sản tranh chấp là phù hợp với luật định nên rút nội dung kháng nghị này. Còn các nội dung khác tại Quyết định kháng nghị, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 15-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Đối với nội dung kháng cáo của đương sự, ý kiến trình bày của các đương sự, chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tuy phiên tòa tuy mở lần thứ nhất nhưng đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự vắng mặt nhưng người đại diện có mặt hoặc có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, thấy rằng:

[3] Trong các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Vi Hùng T để lại là quyền sử dụng đất đối với diện tích 349,4m^2 đất thuộc thửa đất số 29. Qua đo đạc, nguyên đơn yêu cầu

chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Vi Hùng T để lại là quyền sử dụng đất đối với diện tích 346,6m^2 đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định có ½ diện tích đất trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Hoàng Thị Y, ½ còn lại là di sản thừa kế ông Vi Hùng T để lại chưa chia. Căn cứ theo các quy định của pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, đối với nội dung này quan hệ pháp luật phải xác định là: Tranh chấp về thừa kế tài sản: Chia di sản thừa kế trong khối tài sản chung.

[4] Ngày 18-11-2022, bà Hoàng Thị Y có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu được quản lý ½ diện tích 346,6m^2 đất mà bà đang sử dụng và yêu cầu tháo dỡ di dời tài sản trên phần đất đó. Xét thấy, ý kiến của bà Hoàng Thị Y đưa ra tại đơn yêu cầu độc lập không phải là yêu cầu độc lập mà đó chỉ là ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi khi xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì buộc phải xem xét, đánh giá để xác định di sản thừa kế của ông Vi Hùng T để lại độc lập hay nằm trong khối tài sản chung với bà Hoàng Thị Y hoặc khối tài sản chung của hộ gia đình ông Vy Thanh Đ.

[5] Mặt khác, nếu cấp sơ thẩm xác định ý kiến của bà Hoàng Thị Y là yêu cầu độc lập thì phải tiến hành ra Thông báo thụ lý yêu cầu độc lập theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không thể hiện có Thông báo về việc thụ lý yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị Y cho Viện kiểm sát cùng cấp, các đương sự biết để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Hồ sơ vụ án thể hiện bà Hoàng Thị Y nhiều lần thực hiện ủy quyền cho bà Vy Thị C, cho anh Vi Thế L; rút ủy quyền của bà Vy Thị C, anh Vi Thế L. Ngày 15-3-2023, bà Hoàng Thị Y trực tiếp đến Tòa án nộp đơn đề nghị khẳng định rõ: *Kể từ nay về sau, nếu có văn bản ủy quyền khác của tôi cho Vi Thế L hoặc Tô Thị T thì cũng là do tôi bị ép buộc.... Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận các văn bản ủy quyền đó. Các nội dung tôi đã yêu cầu Tòa án ... tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu, không ai được quyền thay thế tôi để thay đổi, bổ sung, hoặc rút yêu cầu của tôi đã đưa ra ...* (bút lục 247-248). Ngày 13-6-2023, người đại diện của anh Vi Thế L, chị Vi Huyền A và bà Tô Thị T nộp cho Tòa án Đơn xin rút yêu cầu độc lập, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và hợp đồng ủy quyền của bà Hoàng Thị Y cho anh Vi Thế L (bút lục 367-375). Xét thấy, trước đó bà Hoàng Thị Y đã có ý kiến yêu cầu anh Vi Thế L, bà Tô Thị T phải trả lại ½ diện tích đất đang có tranh chấp. Khi nhận được văn bản ủy quyền của bà Hoàng Thị Y, cấp sơ thẩm phải triệu tập bà Hoàng Thị Y lên, để làm rõ về việc ủy quyền trước khi chấp nhận việc ủy quyền đó bởi đã có ý kiến của bà Hoàng Thị Y trực tiếp tại Tòa án như trình bày ở trên; mặt khác quyền và lợi ích của bên ủy quyền và bên được ủy quyền có sự đối lập chưa được làm rõ.

[8] Về việc xác định di sản thừa kế của ông Vi Hùng T

[9] Thứ nhất: Ngày 15-8-1971, ông Vi Hùng T và bà Hoàng Thị Y nhận chuyển nhượng từ ông Mông Văn U một miếng đất, không ghi diện tích nhưng có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau đó, ông Vi Hùng T đã xây dựng

nhà trên một phần diện tích đất, hiện nay chính là phần đất có xây nhà mái bằng vợ con ông Vi Thanh Đ đang sinh sống. Ngày 20-8-1991, ông Vi Hùng T chuyển nhượng một phần đất cho ông Lành Bá T. Ngày 16-03-2000, ông Vi Hùng T tiếp tục chuyển nhượng 200,0m^2 đất cho ông Hoàng Tuấn N, có xác nhận của chính quyền địa phương. Theo Bản đồ địa chính thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thể hiện thửa đất số 29 có diện tích 457,4m^2. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập đầy đủ hồ sơ địa chính như Sổ mục kê, Sổ đăng ký ruộng đất để xác định khi đo đạc Bản đồ địa chính thửa đất số 29 có diện tích 457,4m^2 đứng tên ai trước khi cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vy Thanh Đ.

[10] Thứ 2: Ngày 12-11-2001 ông Vi Hùng T chết, tất cả các đương sự đều thừa nhận ông Vi Hùng T chết không để lại di chúc. Anh Vi Thế L, bà Tô Thị T cho rằng trước khi chết ông Vi Hùng T đã tặng cho ông Vi Thanh Đ thửa đất trên và chính ông Vi Hùng T là người đi kê khai xin cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Vy Thanh Đ. Tuy nhiên, ngoài lời khai của mình ra thì vợ con ông Vi Thanh Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến đã đưa ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị đơn cũng thừa nhận: Diện tích 346,6m^2 đất đang có tranh chấp có nguồn gốc là do vợ chồng ông Vi Hùng T nhận chuyển nhượng của người khác từ năm 1971, tại vị trí ngôi nhà vợ con ông Vi Thanh Đ đang ở hiện nay vào thời điểm năm 2000-2001 (trước khi ông Vi Hùng T chết) vẫn có công trình kiên cố (nhà ở) của vợ chồng ông Vi Hùng T. Hiện trên 346,6m^2 đất tranh chấp vẫn có công trình kiên cố (nhà) của vợ chồng ông Vi Hùng T tạo dựng. Vợ chồng ông Vi Hùng T cũng có đóng góp vào việc xây dựng ngôi nhà vợ con ông Vi Thanh Đ đang ở hiện nay cùng vợ chồng ông Vi Thanh Đ. Sau khi ông Vi Hùng T chết một thời gian, thì ông Vi Thanh Đ mới đi kê khai và ngày 25-7-2002 hộ ông Vy Thanh Đ được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 349,4m^2. Đối chiếu với Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, có căn cứ xác định trước ngày 25-7-2002 diện tích 346,6m^{2}đất đang có tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng ông Vi Hùng T và bà Hoàng Thị Y.

[11] Thứ 3: Tại Biên bản làm việc ngày 27-3-2023 với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện thể hiện: Thửa đất số 29 đã được chuyển nhượng một phần diện tích 108,0m^2 thuộc thửa đất số 29a cho bà La Thị H. Hiện hồ sơ lưu trữ không có giấy chuyển nhượng nên không xác định được thời gian chuyển nhượng và ai là người chuyển nhượng cho bà La Thị H. Ngày 04-5-2002, bà La Thị H đã có đơn xin đăng ký quyền sử dụng thửa đất này cùng kê khai với thửa đất số 29 của ông Vi Thanh Đ. Ngày 25-7-2002, bà La Thị H đã được cấp GCNQSDĐ và năm 2010 bà đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 29a cho ông Triệu Văn T. Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ và các con của ông Vi Thanh Đ đã nhiều lần trình bày bằng văn bản và khẳng định gia đình họ là người đã chuyển nhượng 108,0m^2 đất cho bà La Thị H vào ngày 30-3-2002 (bút lục 112, 116, 120). Nguyên đơn và những người con còn lại của ông Vi Hùng T đều khẳng định: Trước khi ông Vi Hùng T chết, gia đình ông Vi Thanh Đ không

ở trên diện tích đất tranh chấp mà ở riêng tại phần đất sát liền kề (trên phần đất mà vợ chồng ông Vi Hùng T đã chia cho trước đó). Sau khi ông Vi Hùng T chết, thì gia đình ông Vi Thanh Đ đã bán mảnh đất đó và chuyển sang sống tại diện tích đất đang tranh chấp. Như vậy, cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ làm rõ về vấn đề này để làm căn cứ, đánh giá khi phân chia di sản thừa kế ông Vi Hùng T để lại.

[12] Thứ 4: Quá trình giải quyết vụ án, bà Tô Thị T xuất trình các giấy tờ cho rằng ông Vi Thanh Đ là người nộp thuế 346,6m^2 đất đang có tranh chấp từ năm 1994 đến năm 2007. Tuy nhiên, tại Tờ khai nộp thuế mang tên ông Vi Văn Đ năm 1994 thể hiện diện tích đất chịu thuế là 80,0m^2, cũng gần phù hợp với diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà La Thị H. Nhưng cấp sơ thẩm chưa xác minh tại cơ quan thuế để làm rõ ông Vi Văn Đ, Vy Văn Đ, Vi Đ, Vy Đ thể hiện tại Tờ khai nộp thuế đất, Thông báo nộp thuế, Biên lai thu thuế nhà đất ... có phải là ông Vi Thanh Đ không và đóng thuế cho diện tích đất nào, ở đâu. Ngoài ra, theo Thông báo nộp thuế do gia đình bị đơn cung cấp thể hiện: Ông Vi Hùng T vào năm 2000 cũng phải nộp tiền thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất, nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu làm rõ ông Vi Hùng T nộp thuế cho diện tích đất nào, ở đâu để làm căn cứ, đánh giá tổng thể khi xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[13] Thứ 5: Tại khoản 1 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết. Như vậy, xem xét hủy quyết định cá biệt không phải là yêu cầu của đương sự. Mặt khác, dù đương sự không yêu cầu thì trách nhiệm của Tòa án khi giải quyết vụ việc dân sự vẫn phải xem xét về quyết định cá biệt. Nếu theo quyết định của Bản án sơ thẩm thì diện tích đất tranh chấp không phải tài sản chung của hộ ông Vy Thanh Đ mà là tài sản chung của vợ chồng ông Vi Hùng T và bà Hoàng Thị Y. Việc hộ ông Vy Thanh Đ được cấp GCNQSDĐ đối với 346,6m^2 đất thuộc thửa đất số 29 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Hoàng Thị Y và các hàng thừa kế của ông Vi Hùng T, nên xác định quyết định cá biệt trái pháp luật phải xem xét. Do đó, căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có căn cứ hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Vy Thành Đ đối với 346,6m^2 đất thuộc thửa đất số 29. Nếu hủy quyết định cá biệt thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

[14] Bị đơn cho rằng năm 2001-2002 gia đình bị đơn có xây dựng nhà mái bằng trên phần đất tranh chấp. Sau khi ông Vi Hùng T chết thì vợ chồng ông Vi Thanh Đ cùng các con chuyển đến sống tại ngôi nhà mái bằng và hiện nay vợ con ông Vi Thanh Đ vẫn đang quản lý, sử dụng ngôi nhà này. Còn nguyên đơn cho rằng ngôi nhà mái bằng là do vợ chồng ông Vi Hùng T, bà Hoàng Thị Y xây dựng trước khi ông Vi Hùng T chết bằng tiền chuyển nhượng đất cho ông Hoàng Tuấn N. Như đã phân tích ở trên, trước khi sống tại nhà đất

này thì gia đình bị đơn sống ở nhà đất khác sát liền kề đó. Trên diện tích đất tranh chấp, có nhiều công trình vật kiến trúc kiên cố nhưng các đương sự không yêu cầu phân chia tài sản trên đất. Mặc dù tài sản trên đất tranh chấp không có ai yêu cầu phân chia nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ về vấn đề này làm căn cứ đánh giá tổng thể khi xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Gia đình bị đơn cho rằng từ khi chuyển sang sinh sống tại đất đang có tranh chấp thì có quá trình khai phá thêm đất ở phía bờ sông và phía trước giáp đường giao thông. Tuy nhiên, phần đất phía giáp bờ sông với diện tích 49,7m²; phần đất giáp với đường giao thông diện tích 9,9m² nguyên đơn cũng đã rút yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía gia đình bị đơn thừa nhận: Toàn bộ diện tích 346,6m^2 đất tranh chấp ông Vi Thanh Đ và vợ con không có công sức tạo lập, phần đất phía bờ sông nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đã có từ trước khi ông Vi Hùng T chết. Mặt khác, từ khi ông Vi Hùng T chết thì bà Hoàng Thị Y vẫn là người trực tiếp sinh sống tại một phần diện tích đất này. Do đó, việc bản án sơ thẩm tính công sức quản lý, duy trì và tôn tạo di sản của anh Vi Thế L, bà Tô Thị T là không phù hợp. Hơn nữa, khi xem xét chi phí cho việc bảo quản di sản (nếu có) phải được ưu tiên thanh toán, thực hiện trước khi phân chia di sản thừa kế.

[15] Ngoài ra, phần quyết định của Bản án sơ thẩm không xác định rõ hàng thừa kế; tuyên giao cho anh Vi Thế L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 173,3m^2 (là di sản thừa kế ông Vi Hùng T để lại) nhưng không làm rõ diện tích này thuộc vị trí nào trong thửa đất số 29 (tổng diện tích của thửa đất số 29 đã được cấp GCNQSDĐ là 349,4m^2 đất). Điều đó gây khó khăn trong việc thi hành án và khó khăn khi đương sự thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[16] Cấp sơ thẩm do nhận định không đúng về yêu cầu độc lập nên dẫn đến xác định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng của bà Hoàng Thị Y cũng không chính xác. Đây là vụ án Tranh chấp về thừa kế tài sản nên trách nhiệm chịu chi phí tố tụng được xác định mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí tố tụng theo tỷ lệ giá trị phần tài sản được phân chia tương ứng. Tuy nhiên, trong vụ án này, cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng của những người được chia tài sản không theo tỷ lệ giá trị phần tài sản được phân chia tương ứng là không đúng pháp luật.

[17] Người kháng cáo cho rằng anh Vi Thế L không phải là bị đơn vì không đứng tên trên GCNQSDĐ, không thường xuyên sinh sống tại khu đất tranh chấp, thấy rằng: Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm*. Đối chiếu vào vụ án này thấy: Bị đơn tuy không đứng tên tại GCNQSDĐ đối với thửa đất số 29, nhưng bị đơn là con của người đứng tên chủ sử dụng thửa đất này; là thành viên của hộ gia đình ông Vi Thanh Đ; hiện ông Vi Thanh Đ đã chết không để lại di chúc. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Vi Thế L cũng thừa nhận: Anh có quyền và lợi ích đối với phần diện tích đất

nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi đất đó thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ con ông Vi Thanh Đ, trong đó có anh. Nên đương nhiên nguyên đơn khởi kiện anh Vi Thế L là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, người kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của anh Vi Thế L là không có căn cứ để chấp nhận.

[18] Người đại diện của đương sự kháng cáo và đại diện của chị Vi Huyền A cho rằng: Diện tích đất tranh chấp gồm có cả đất ở và đất vườn. Tuy nhiên cấp sơ thẩm lại xác định chung giá trị đất tranh chấp đều 7.000.000đồng/m^2 là chưa đảm bảo quyền lợi của người được chia bằng hiện trạng đất, thấy rằng: Vụ án về việc chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất nên theo quy định của pháp luật giá trị đất phải xác định theo giá trị trường. Tại cấp sơ thẩm, tất cả các đương sự đều nhất trí với việc định giá tài sản của Hội đồng định giá, cụ thể đều xác định giá thị trường toàn bộ diện tích đất trên là 7.000.000đồng/m^2. Nên ý kiến trên không có căn cứ để chấp nhận.

[19] Từ những phân tích và đánh giá trên, thấy rằng cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ theo quy định nên dẫn đến việc đánh giá chứng cứ sẽ không khách quan, không toàn diện làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được. Để vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, xét thấy cần hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 15-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[20] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại là phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ý kiến của người kháng cáo, ý kiến của các đương sự khác sẽ được xem xét, giải quyết khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Các vấn đề vi phạm về thủ tục tố tụng, về thu thập chứng cứ, về đánh giá chứng cứ và các vi phạm khác đã chỉ ra ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm cần thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[21] Do Bản án bị cấp phúc thẩm hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 15-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đương sự đã nộp và số tiền án phí dân sự sơ thẩm được quyết định khi Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm

3.1. Anh Vi Thế L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Vi Thế L số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006154 ngày 29-6-2023.

3.2. Bà Tô Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Tô Thị T số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006153 ngày 29-6-2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa